TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 577 /2026/DS-PT
Ngày: 07 -07- 2026

V/v tranh chấp: "Yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Đạt**

Các Thẩm phán: Ông **Sỹ Danh Đạt**

Bà **Nguyễn Ái Đoan**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Mai Gia Khánh** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:* Bà **Võ Thị Trang** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 6 và ngày 07 tháng 07 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 161/2026/TLPT-DS ngày 20 tháng 03 năm 2026 về *"Yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 244/2025/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 932/2026/QĐ-PT ngày 07 tháng 04 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh **Tô Đức H**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: A lô B, khu dân cư B, phường B, thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1991 (có mặt);

Địa chỉ: số D Khu phố G, phường T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*:

1. Bà **Phạm Thị Tuyết H1**, sinh năm 1965;

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Chị **Lê Thị Hương D**, sinh năm 1990 (có mặt);

Địa chỉ: G N, phường M, tỉnh Đồng Tháp;

Địa chỉ liên hệ: khu phố M, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Ngọc D1, sinh năm 1972 (có mặt);

Địa chỉ: 2 khu phố H, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1961 (vắng mặt)*;*

Địa chỉ: ấp H, xã H, tỉnh Tây Ninh;

2. Anh **Nguyễn Thuận T1**, sinh năm 1985 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: số G N, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo: Bị đơn Phạm Thị Tuyết H1, chị Lê Thị Hương D.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn anh Tô Đức H, có đại diện ủy quyền là chị Nguyễn Ngọc P trình bày: Ngày 27/01/2019, anh Tô Đức H có thỏa thuận mua phần đất và nhà tọa lạc tại số D, ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang của bà Phạm Thị Tuyết H1 và chị Lê Thị Hương D. Theo thỏa thuận giá chuyển nhượng của thửa đất trên là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

Do thửa đất trên bà H1 và chị D đang thế chấp tại ngân hàng nên chưa thể làm thủ tục sang tên thửa đất sang cho anh H theo quy định pháp luật. Anh H đã đặt cọc cho bà H1 và chị Duyên số tiền 300.000.000 đồng, bà H1 và chị D có viết giấy mua bán đất và giao anh H cất giữ. Đồng thời, bà H1 và chị D còn giao cho anh H cất giữ 01 (bản chính) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 283, tờ bản đồ số 22, diện tích 452,4m^2 tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành là CI434740 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh T cấp ngày 09/6/2017 mang tên Lê Thị Hương D để làm tin do giấy đất của bà H1 còn đang thế chấp ngân hàng. Anh H chỉ thỏa thuận mua bán thửa đất của bà H1 chứ không có thỏa thuận mua đất của chị D.

Theo thỏa thuận sau khi hoàn tất thủ tục mua bán đất thì anh H sẽ giao cho bà H1 và chị Duyên số tiền còn lại là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Tuy nhiên, ngày 16/06/2019 bà H1 và chị D yêu cầu anh H đưa thêm số tiền

50.000.000 đồng để làm thủ tục sang tên đất.

Từ tháng 06/2019 cho đến nay anh H đã nhiều lần yêu cầu bà H1 và chị D có nghĩa vụ sang tên thửa đất sang cho anh H theo đúng thỏa thuận nhưng bà H1 và chị D cứ hứa hẹn mà không thực hiện và tìm nhiều lý do tránh mặt. Hiện nay, qua tìm hiểu anh H được biết nhà và đất trên bà H1 và chị D đã bán cho người khác.

Đồng thời, vào ngày 16/6/2019, bà H1 và chị D có mượn của anh H số tiền 40.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất. Bà H1 và chị D có viết biên nhận mượn tiền và giao anh H cất giữ. Theo thỏa thuận bà H1 và chị D cam kết trong vòng 06 tháng sẽ trả lại cho anh H số tiền đã mượn. Tuy nhiên, từ tháng 12/2019 đến nay, anh H đã nhiều lần yêu cầu bà H1 và chị D có nghĩa vụ trả lại số tiền đã mượn nhưng bà H1 và chị D cứ hứa hẹn mà không thực hiện và tìm nhiều lý do tránh mặt.

Do đó, nguyên đơn anh H khởi kiện như sau:

1/ Yêu cầu hủy hợp đồng mua bán đất được lập vào ngày 27/01/2019 giữa anh Tô Đức H và bà Phạm Thị Tuyết H1, chị Lê Thị Hương D đối với thửa đất tọa lạc tại số D, ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp).

2/ Yêu cầu bà H1 và chị D có nghĩa vụ liên đới trả cho anh H tổng số tiền đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 350.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo lãi suất theo quy định pháp luật là 0,83%/ tháng, cụ thể như sau:

- Đối với số tiền 300.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 27/01/2019 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử (tạm tính đến ngày nộp đơn khởi kiện là ngày 23/12/2024) là: 300.000.000 đồng x 0,83%/ tháng x 71 tháng = 176.790.000 đồng.

- Đối với số tiền 50.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 16/6/2019 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử (tạm tính đến ngày nộp đơn khởi kiện là ngày 23/12/2024) là: 50.000.000 đồng x 0,83%/ tháng x 66 tháng = 27.390.000 đồng.

Tổng cộng vốn lãi là 554.180.000 đồng.

3/ Anh H đồng ý trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 283, tờ bản đồ số 22, diện tích 452,4m^2 tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành là CI434740 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh T cấp ngày 09/6/2017 mang tên Lê Thị Hương D.

4/ Yêu cầu bà H1 và chị D có nghĩa vụ liên đới trả cho anh H số tiền vay là 40.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật là 0,83%/ tháng tính từ ngày 16/6/2019 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử (tạm tính đến ngày nộp đơn khởi kiện là ngày 23/12/2024) là: 40.000.000 đồng x 0,83%/ tháng x 66 tháng = 21.912.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 40.000.000 đồng + 21.912.000 đồng = 61.912.000 đồng.

Bị đơn bà Phạm Thị Tuyết H1 và chị Lê Thị Hương D, có đại diện ủy quyền là ông Phạm Ngọc D1 trình bày:

Bà Phạm Thị Tuyết H1 và chị Lê Thị Hương D không có bán đất và cũng không có vay tiền ông Tô Đức H.

Số tiền 400.000.000 đồng bà H1 và chị D có ký nhận với ông H vào các ngày 27/01/2019, 16/6/2019 là tiền ông H đặt cọc để mua đất của ông Trần Văn T, sinh năm 1961, địa chỉ: ấp H, xã B, huyện T, tỉnh Long An, đất ông H đặt cọc mua của ông T tại ấp H, xã B, huyện T, tỉnh Long An. Tuy nhiên, tại thời điểm nhận tiền ông T chưa đứng tên được thửa đất tại ấp H để giao dịch đặt cọc với ông H, từ đó, bà H1 và chị D mới ký giấy bán thửa đất của bà H1 cho ông H để ông H làm tin mà đưa tiền đặt cọc cho ông T là 400.000.000 đồng. Số tiền 400.000.000 đồng ông H đưa trực tiếp cho ông T, nhưng bà H1 và chị D là người ký tên vào biên nhận.

Nội dung trên được ông H và ông T xác nhận trong " Hợp đồng mua bán đất" ngày 12/8/2018 giữa ông Trần Văn T (Bên bán đất) với ông Tô Đức H (Bên mua đất). Nội dung như sau: "*Nay ngày 16/6/2019 Tôi Trần Văn T có nhận tiền của Tô Đức H: Đây là tiền cọc 400.000.000 đồng, khấu trừ hợp đồng mua đất tại huyện C, tỉnh Tiền Giang, ký tên, ghi rõ họ tên Trần Văn T....*".

Do đó, số tiền 400.000.000 đồng ông H khởi kiện bà H1 và chị D là số tiền ông H đặt cọc mua đất của ông T tại ấp H, xã B, huyện T, tỉnh Long An, ông H và ông T đã xác định và thống nhất tại Hợp đồng mua bán đất ngày 12/8/2018. Theo thông tin được biết hiện nay ông T đã thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần đất tại ấp H, xã B, huyện T, tỉnh Long An với ông H, đồng thời ông H đã nhận đất của ông T canh tác.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn tuyên vô hiệu hợp đồng mua bán đất ngày 27/01/2019 thì bà H1 và chị D đồng ý do hợp đồng mua bán đất này không có thật mà chỉ để làm tin cho giao dịch mua bán đất giữa ông H và ông T. Đối với yêu cầu bà H1 và chị D phải trả cho ông H số tiền 400.000.000 đồng thì bị đơn không đồng ý, do bà H1 và chị D không có nhận số tiền này của ông H. Bị đơn yêu cầu ông H trả lại cho bị đơn bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

và tài sản khác gắn liền với đất có số phát hành CI 434740 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 09/6/2017 cho Lê Thị Hương D đứng tên đối với thửa đất số 283, tờ bản đồ số 22, diện tích 452,4 m², địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thuận T1 trình bày:*Anh là chồng của chị Lê Thị Hương D, cưới nhau vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn. Thửa đất số 283, tờ bản đồ số 22, diện tích 452,4 m², địa chỉ: ấp Đ, xã T, tỉnh Đồng Tháp là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của anh chị nhưng chỉ có chị D đứng tên. Việc chị D đưa bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất 283 cho anh H thì anh không biết. Anh không có liên quan đến giao dịch giữa chị D, bà H1 và anh H. Anh yêu cầu anh H trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 283 khi án có hiệu lực pháp luật, anh không có yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 244/2025/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp áp dụng các điều 26, 34, 35, 39, 92, 147, 220, 227, 228, 235, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 122, 124, 131, 357, 407, 423, 427, 463, 466, 468, 472, 500 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tô Đức H.

- Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất viết tay ngày 27/01/2019 giữa ông Tô Đức H và bà Phạm Thị Tuyết H1.

- Bà Phạm Thị Tuyết H1 và chị Lê Thị Hương D có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Tô Đức H số tiền chuyển nhượng là 350.000.000 đồng và tiền lãi là 217.875.000 đồng, tổng cộng là 567.875.000 đồng.

- Bà Phạm Thị Tuyết H1 và chị Lê Thị Hương D có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Tô Đức H số tiền vay là 40.000.000 đồng và tiền lãi là 22.908.000 đồng, tổng cộng là 62.908.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357

của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Tô Đức H trả lại cho chị Lê Thị Hương D 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CS26656 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh T cấp cho chị Lê Thị Hương D ngày 09/6/2017 đối với thửa đất số 283, tờ bản đồ số 22, diện tích 452,4m^2 tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 01 tháng 10 năm 2025, bị đơn Phạm Thị Tuyết H1, Lê Thị Hương D có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Bà Phạm Thị Tuyết H1 và Lê Thị Hương D kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông H về việc buộc bà H1 và chị D trả tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 350.000.000 đồng cùng tiền lãi, số tiền vay là 40.000.000 đồng và tiền lãi.

oTại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn, bị đơn đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án như sau: Bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền vay 40.000.000 đồng cùng lãi phát sinh 22.908.000 đồng, tổng cộng là 62.908.000 đồng. Hai bên đương sự thống nhất tuyên bố Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất viết tay ngày 27/01/2019 giữa ông Tô Đức H và bà Phạm Thị Tuyết H1; Bà Phạm Thị Tuyết H1 và chị Lê Thị Hương D có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Tô Đức H số tiền chuyển nhượng là 350.000.000 đồng và bồi thường số tiền 25.000.000 đồng, tổng cộng là 375.000.000 đồng. Ông H trả lại chị D 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS26656 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh T cấp cho chị Lê Thị Hương D ngày 09/6/2017 đối với thửa đất số 283, tờ bản đồ số 22, diện tích 452,4m^2 tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp).

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng chấp hành theo đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể: Hai bên đồng ý tuyên bố hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng đất; Bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 375.000.000đồng và 40.000.000đồng tiền vay + lãi phát sinh; Nguyên đơn trả cho bị đơn 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Xét

thấy, việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn Phạm Thị Tuyết H1, Lê Thị Hương D, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp *"Yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Hợp đồng vay tài sản"* là có căn cứ. Sau khi xét xử sơ thẩm thì bị đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đầy đủ, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.1] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập dự phiên tòa xét xử phúc thẩm nhưng vẫn cố tình vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T theo qui định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, nhận thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Cụ thể: Bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền vay 40.000.000đồng cùng lãi phát sinh 22.908.000đồng, tổng cộng là 62.908.000đồng. Hai bên đương sự thống nhất tuyên bố Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất viết tay ngày 27/01/2019 giữa ông Tô Đức H và bà Phạm Thị Tuyết H1; Bà Phạm Thị Tuyết H1 và chị Lê Thị Hương D có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Tô Đức H số tiền chuyển nhượng là 350.000.000đồng và bồi thường số tiền 25.000.000đồng, tổng cộng là 375.000.000đồng. Ông H trả lại chị D 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS26656 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh T cấp cho chị Lê Thị Hương D ngày 09/6/2017 đối với thửa đất số 283, tờ bản đồ số 22, diện tích 452,4m^2 tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp). Xét thấy, việc thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa theo qui định tại Điều 300 của bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ

phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bà H1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 296, Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 122, 124, 131, 357, 407, 423, 427, 463, 466, 468, 472, 500 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Phạm Thị Tuyết H1, Lê Thị Hương D. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 244/2025/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp.

2. Ghi nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm;

2.1. Tuyên bố Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất viết tay ngày 27/01/2019 giữa ông Tô Đức H và bà Phạm Thị Tuyết H1.

2.2. Bà Phạm Thị Tuyết H1 và chị Lê Thị Hương D có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Tô Đức H số tiền chuyển nhượng là 350.000.000đồng và bồi thường số tiền 25.000.000đồng, tổng cộng là 375.000.000đồng.

2.3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Tô Đức H trả lại cho chị Lê Thị Hương D 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CS26656 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh T cấp cho chị Lê Thị Hương D ngày 09/6/2017 đối với thửa đất số 283, tờ bản đồ số 22, diện tích 452,4m^2 tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp).

3. Bà Phạm Thị Tuyết H1 và chị Lê Thị Hương D có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Tô Đức H số tiền vay là 40.000.000đồng và tiền lãi là 22.908.000đồng,

tổng cộng là 62.908.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả.

4. Về án phí:

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị Tuyết H1 và chị Lê Thị Hương D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do bà H1 và chị D nộp theo biên lai thu tiền số 0003779 (số tiền 300.000đồng), biên lai thu tiền số 0003778 (số tiền 300.000đồng), cả hai biên lai thu tiền cùng ngày 07/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Phạm Thị Tuyết H1 và chị Lê Thị Hương D phải chịu 21.516.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà H1, nên chị D phải chịu 10.758.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Tô Đức H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.622.000đồng theo biên lai thu số 0008431 ngày 25/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang (nay là tỉnh Đồng Tháp).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND khu vực 1 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Đạt